TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 843/2023/HNGĐ -ST
Ngày: 25-8-2023
V/v:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

/- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hòa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ron
  Ông Nguyễn Tấn Bình
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương

Thư ký Toà án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- ***Đại diện VKSND TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa***:

Bà Tô Thị Bích Trâm - Kiểm sát viên

***

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 377/2023/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Huỳnh Kim U, sinh năm: 1986
Bị đơn: Anh Phạm Đình T, sinh năm: 1985
Cùng địa chỉ: 102 B, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
(Tại phiên toà anh T và chị U vắng mặt, chị U có đơn xin xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/4/2023 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, ngU đơn chị Lê Huỳnh Kim U trình bày: chị và anh Phạm Đình T kết hôn ngày 29/7/2015 tại UBND phường Nh, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình

Định trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hai bên đã nhiều lần giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Năm 2022, chị đã nộp đơn xin ly hôn quá trình giải quyết vụ án chị muốn cho anh T thêm cơ hội sửa đổi nên chị đã rút đơn để vợ chồng có cơ hội hàn gắn nhưng từ đó đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện, chị và anh T vẫn sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Do đó, chị kiên quyết xin được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 người con tên Lê Đăng Kh, sinh ngày 01/10/2015 sức khỏe bình thường, hiện đang sống với chị. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Đình T: không nộp bản tự khai và vắng mặt không có lý do trong tất cả các buổi làm việc và tại phiên tòa sơ thẩm mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và giải quyết nuôi con chung của nguyên đơn có căn cứ pháp luật phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Chị U, anh T kết hôn ngày 29/7/2015 tại UBND phường Nh, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh T cư trú tại 102 B, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 điều 28; điều 35 và điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã T hành thủ tục tống đạt hợp lệ đối với bị đơn thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. NgU đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của ngU đơn và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt ngU đơn, bị đơn theo khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

Theo chị U trình bày sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi. Chị đã nộp đơn xin ly hôn và rút đơn về để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng tìm cảm vợ chồng vẫn không thay đổi. Hiện nay chị với anh T mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, cả hai vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, tôn trọng và chăm sóc, giúp đỡ nhau, nhưng qua lời trình bày của chị U thì giữa chị và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, giữa hai bên không tìm được Tg nói chung nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, cả hai đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau. Vợ chồng ly thân từ năm 2022 đến nay, đây là khoảng thời gian để 2 bên tự suy ngẫm về hôn nhân nhưng tình trạng hôn nhân của anh chị vẫn không không cải thiện. Qúa trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa đã triệu tập nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa làm việc, chứng tỏ anh T không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị U xin được ly hôn anh T là phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Lê Đăng Kh, sinh ngày 01/10/2015, sức khỏe bình thường. Chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Xét thấy: Từ khi chị U và anh T ly thân đến nay cháu Khoa sống với chị U, đã quen với nề nếp sinh hoạt và sự chăm sóc của chị U. Ly hôn, chị U xin được trực tiếp nuôi con, cháu Khoa cũng có nguyện vọng được ở với mẹ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Khoa cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Chị U phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

TU xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Huỳnh Kim U được ly hôn anh Phạm Đình T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Đăng Kh, sinh ngày 01/10/2015 cho chị Lê Huỳnh Kim U trực tiếp nuôi dưỡng.

- Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị U không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cản.

3.Về tài sản chung: Chị U không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị U phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003636 ngày 21/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Chị U đã nộp xong.

Quyền kháng cáo: Chị U, anh T vắng mặt tại phiên toà nên thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định ;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Minh Hòa